

Số: 9521/QĐ-CT

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế trực thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 11928/QĐ-GQ ngày 28/12/2016 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn;

Căn cứ kiến nghị tại Biên bản kiểm tra thuế đã ký ngày 20/11/2017 giữa Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân và Đoàn kiểm tra Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kiểm tra thuế số 2,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử lý vi phạm về thuế theo kết quả kiểm tra đối với Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (Mã số thuế: 5700688013, địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

Thời kỳ kiểm tra: Từ năm 2014 đến hết năm 2016.

Tổng số tiền thuế truy thu, tiền phạt vi phạm hành chính, tiền chậm nộp là: 12.803.103 đồng (Bằng chữ: Mười hai triệu, tám trăm linh ba nghìn, một trăm lẻ ba đồng), trong đó:

1. Truy thu thuế, số tiền: 7.173.250 đồng, trong đó:

- Thuế GTGT: 5.884.000 đồng;

- Thuế TNCN: 1.289.250 đồng;

Yêu cầu Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân nộp NSNN theo quy định.

2. Xử phạt vi phạm hành chính về thuế, số tiền: 3.534.650 đồng;

- Phạt 20% tính trên số tiền thuế khai thiếu số tiền: 1.434.650 đồng theo quy định tại Khoản 33 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Quản lý thuế.

- Phạt vi phạm hành chính về thuế do hành vi khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số thuế TNDN phải nộp, số tiền: 2.100.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP của Chính Phủ.

Thời hạn nộp: Trong 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này. Nếu nộp chậm sẽ phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật.

3. Tiền chậm nộp tính trên số tiền thuế chậm nộp do khai sai, số tiền: 2.095.203 đồng, theo quy định tại Khoản 32 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Điều 3 Luật số 106/2016/QH13 ngày 6/4/2016 của Quốc Hội sửa đổi một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB, Luật Quản lý thuế (Tiền chậm nộp tạm tính đến hết ngày ký Biên bản kiểm tra, ngày 10/11/2017).

Thời hạn nộp: Trong 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này.

4. Giám lỗi chuyển kỳ sau, số tiền: 5.780.630.000 đồng.

Điều 2. Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân có trách nhiệm nộp số tiền thuế truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp theo quy định tại Điều 1 vào Ngân sách Nhà nước theo mục lục ngân sách (có bảng kê chi tiết kèm theo); nếu không chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng (để b/c);
- KBNN TP Hạ Long;
- Phòng: KK, QLN;
- Lưu: VT, KTr2.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**




Nguyễn Thúy Hương

BẢNG KÊ CHI TIẾT NỘP TIỀN THUẾ, TIỀN PHẠT

(Kèm theo Quyết định số 9521/QĐ-CT ngày 28 tháng 11 năm 2017
của Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh)



Số TT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
Nộp vào tài khoản 7111 Kho bạc NN TP Hạ Long theo mục lục NSNN hiện hành			
A	Truy thu thuế số tiền, trong đó:	7.173.250	
1	Truy thu thuế GTGT	5.884.000	Tiểu mục 1701
2	Truy thu thuế TNCN	1.289.250	Tiểu mục 1004
B	Tiền phạt, trong đó:	3.534.650	
1	Phạt khai thiếu, khai sai (20%)	1.434.650	
-	Thuế GTGT	1.176.800	Tiểu mục 4254
-	Thuế TNCN	257.850	Tiểu mục 4268
2	Phạt khai sai nhưng chưa dẫn đến thiếu số thuế phải nộp	2.100.000	Tiểu mục 4254
C	Tiền chậm nộp (tạm tính đến ngày 20/11/2017)	2.095.203	
1	Tiền chậm nộp thuế GTGT	1.604.127	Tiểu mục 4931
2	Tiền chậm nộp thuế TNCN	491.076	Tiểu mục 4917
Tổng cộng		12.803.103	

Ghi chú: Đề nghị đơn vị nộp thuế bằng hình thức điện tử theo Quyết định số 9521/QĐ-CT ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh.

CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NINH

BIÊN BẢN CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA

Căn cứ Điều 78 Luật Quản lý thuế ngày 29/11/2006;

Căn cứ Quyết định số 8484/QĐ-CT ngày 26/10/2017 của Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh về việc kiểm tra chấp hành pháp luật thuế tại Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân - Mã số thuế: 5700688013.

Hôm nay, hồi 9 giờ ngày 8/11/2017, tại văn phòng Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân. Chúng tôi gồm:

1. Đoàn kiểm tra - Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh:

- | | | |
|------------------------|---|---------------|
| - Bà: Nguyễn Thị Minh | - Trưởng phòng Phòng kiểm tra thuế số 2 | - Trưởng đoàn |
| - Bà: Hoàng Thị Thu Hà | - Chuyên viên Phòng kiểm tra thuế số 2 | - Thành viên |
| - Bà: Bùi Thu Trang | - Chuyên viên Phòng kiểm tra thuế số 2 | - Thành viên |
| - Bà: Nguyễn Hoàng Lan | - Chuyên viên Phòng kiểm tra thuế số 2 | - Thành viên |

2. Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân:

- | | |
|----------------------|------------------------------|
| - Ông: Phạm Văn Toàn | - Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| - Bà: Vũ Thị An | - Chức vụ: Phó phòng Kế toán |

Đại diện Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân đã được nghe Đoàn kiểm tra công bố nội dung Quyết định số 8484/QĐ-CT ngày 26/10/2017 của Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh về việc kiểm tra Thuế tại đơn vị. Nội dung kiểm tra:

- Kiểm tra chấp hành pháp luật thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và các sắc thuế khác (Nếu có).

- Kiểm tra việc thực hiện các quy định về hoá đơn bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP.

- Kiểm tra tình hình trích nộp BHXH, KPCĐ theo quy chế phối hợp.

Thời kỳ kiểm tra: Từ năm 2014 đến hết năm 2016.

Biên bản này gồm có 01 trang, được lập thành 06 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 bản được giao cho Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và thống nhất ký vào biên bản./.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA

TỔNG GIÁM ĐỐC


Phạm Văn Toàn

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

TRƯỞNG ĐOÀN


Nguyễn Thị Minh

BIÊN BẢN KIỂM TRA TẠI TRỤ SỞ NGƯỜI NỘP THUẾ

Về việc kiểm tra chấp hành pháp luật thuế

Tại: Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân

Mã số thuế: 5700688013

Căn cứ Quyết định số 8484/QĐ-CT ngày 26/10/2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh về việc kiểm tra chấp hành pháp luật thuế; Kiểm tra công tác quản lý sử dụng hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ; Kiểm tra việc trích, nộp BHXH và KPCĐ theo quy chế phối hợp tại Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân, Mã số thuế: 5700688013.

Thời kỳ kiểm tra: Từ năm 2014 đến năm 2016.

Đoàn kiểm tra đã tiến hành làm việc và kiểm tra Thuế tại trụ sở Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân từ ngày 8/11 đến ngày 14/11/2017 (5 ngày làm việc thực tế tại đơn vị).

Hôm nay, ngày 14/11/2017, tại văn phòng Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân. Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chúng tôi gồm:

1. Đoàn kiểm tra - Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh:

- | | | |
|------------------------|---|--------------|
| - Bà: Nguyễn Thị Minh | - Trưởng phòng kiểm tra thuế số 2 | Trưởng đoàn; |
| - Bà: Hoàng Thị Thu Hà | - Chuyên viên thuế phòng kiểm tra thuế số 2 | Thành viên; |
| - Bà: Bùi Thu Trang | - Chuyên viên thuế phòng kiểm tra thuế số 2 | Thành viên; |
| - Bà: Nguyễn Hoàng Lan | - Chuyên viên thuế phòng kiểm tra thuế số 2 | Thành viên. |

2. Đại diện Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân:

- | | |
|---------------------|------------------------------|
| - Bà: Phạm Văn Toàn | - Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| - Bà: Vũ Thị An | - Chức vụ: Phó phòng Kế toán |

Lập biên bản xác nhận kết quả kiểm tra thuế như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CỦA ĐƠN VỊ:

- Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân là công ty cổ phần ngoài Nhà nước, đơn vị có tư cách pháp nhân và con dấu riêng.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700688013 đăng ký lần đầu ngày 02/11/2007, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

- Hình thức hạch toán kế toán: Hạch toán độc lập.

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

- Niên độ kế toán: Từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

- Đăng ký kê khai nộp thuế tại: Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh.

- Hình thức kê khai nộp thuế Giá trị gia tăng: Theo phương pháp khấu trừ.

- Mục lục Ngân sách: Cấp 2, Chương 554, Loại 220 Khoản 228.

- Tài khoản số 0521 000 686688 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long.

- Các đơn vị phụ thuộc:

+ Văn phòng đại diện Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân tại Móng Cái, mã số thuế: 5700688013-001. Địa chỉ: Khu Hồng Hà, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

+ Văn phòng đại diện Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân tại Hải Phòng, mã số thuế: 5700688013-002. Địa chỉ: Phòng 404, tòa nhà Khách sạn Dầu Khí, số 441, Đà Nẵng, thành phố Hải Phòng.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh dịch vụ xếp dỡ, bảo quản, đóng gói và giao nhận hàng hóa. Kinh doanh dịch vụ lưu kho, bãi. Vận tải, dịch vụ đại lý vận tải, dịch vụ khai thuế hải quan, môi giới hàng hải...

B. NỘI DUNG KIỂM TRA TẠI TRỤ SỞ ĐƠN VỊ:

I. Kiểm tra chấp hành pháp luật thuế:

1. Kết quả kiểm tra năm 2014:

Theo Quyết định số 1166/QĐ-CT ngày 20/02/2017, Cục thuế tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành kiểm tra sau hoàn thuế tại Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân đến hết tháng 10/2014. Do đó Đoàn kiểm tra ghi nhận lại kết quả và không kiểm tra lại số liệu đã được kiểm tra sau hoàn thuế GTGT.

1.1 Kết quả kiểm tra:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chi tiêu	Số khai thuế của đơn vị	Số liệu kiểm tra	Chênh lệch Tăng (+); Giảm (-)
A	THUẾ GTGT			
1	Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra (=2+3)	110.508.461.983	110.538.681.983	30.220.000
2	Giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	0	0	0
3	Giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT	110.508.461.983	110.538.681.983	30.220.000
-	Giá trị HH, DV bán ra chịu thuế suất 0%	22.697.527.093	22.697.527.093	0
-	Giá trị HH, DV bán ra chịu thuế suất 10%	87.810.934.890	87.841.154.890	30.220.000
4	Thuế GTGT đầu ra	8.663.506.604	8.663.506.604	0
-	Nhóm thuế suất 10%	8.663.506.604	8.666.528.604	3.022.000
5	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	9.138.909.174	9.098.024.046	-40.885.128
6	Thuế GTGT còn được KT kỳ trước chuyển sang	1.532.921.699	1.532.921.699	0
7	Thuế GTGT đề nghị hoàn	1.877.872.300	1.836.987.172	-40.885.128
8	Thuế GTGT phải nộp	0	0	0
9	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau	130.451.969	127.429.969	-3.022.000
B	THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:			0
B.1	Hoạt động SXKD (TK mẫu 03-1A/TNDN)			
1	Tổng doanh thu	107.814.413.782	107.814.413.782	0
a	- Doanh thu hoạt động SXKD	107.743.647.463	107.743.647.463	0
b	- Doanh thu hoạt động tài chính	70.766.319	70.766.319	0

2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0
3	Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	244.231.401.492	242.504.581.492	-1.726.820.000
a	- Giá vốn hàng bán	100.812.095.387	99.085.275.387	-1.726.820.000
b	- Chi phí bán hàng	836.762.504	836.762.504	0
c	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.570.511.671	7.570.511.671	0
d	- Chi phí tài chính	135.012.031.930	135.012.031.930	0
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (=1-2-3)	-136.416.987.710	-134.690.167.710	1.726.820.000
5	Lợi nhuận khác	1.171.541.731	1.171.541.731	0
a	- Thu nhập khác	1.193.541.731	1.193.541.731	0
b	- Chi phí khác	22.000.000	22.000.000	0
6	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	-135.245.445.979	-133.518.625.979	1.726.820.000
7	Điều chỉnh tăng tổng thu nhập chịu thuế TNDN	53.268.849.140	53.268.849.140	0
8	Điều chỉnh giảm tổng thu nhập chịu thuế TNDN	428.800.896	428.800.896	0
9	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN sau điều chỉnh	-82.405.397.735	-80.678.577.735	1.726.820.000
10	Thuế suất thuế TNDN	25%	25%	
11	Thuế TNDN phải nộp	0	0	0
B.1	Hoạt động chuyển nhượng BDS (03-5/TNDN)			
1	Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.660.948.780	1.660.948.780	0
2	Chi phí từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	775.126.315	775.126.315	0
3	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	885.822.465	885.822.465	0
4	Thuế suất thuế TNDN	22%	22%	0
5	Tổng thuế TNDN phải nộp	194.880.942	194.880.942	0
B.3	Tổng thuế TNDN phải nộp	194.880.942	194.880.942	0
C	THUẾ KHÁC:	35.653.305	36.647.555	1.289.250
1	Thuế môn bài	3.000.000	3.000.000	0
2	Thuế TNCN	32.653.305	33.647.555	1.289.250

1.2. Giải thích chênh lệch

1.2.1. Thuế GTGT

a. Doanh thu chịu thuế GTGT suất thuế 10% tăng 30.220.000 đồng, thuế GTGT đầu ra tăng 3.022.000 đồng, nguyên nhân: Đơn vị kê khai thiếu doanh thu đối với hàng hóa dùng để cho, biếu, tặng số tiền 30.220.000 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính, Đoàn kiểm tra xác định tăng doanh thu chịu GTGT thuế suất 10% là 30.220.000 đồng, thuế GTGT đầu ra tăng 3.022.000 đồng (có biểu chi tiết kèm theo).

b. Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong kỳ giảm 40.885.128 đồng, số thuế GTGT được hoàn giảm 40.885.128 đồng, nguyên nhân: Đoàn kiểm tra ghi nhận theo kết quả kiểm tra sau hoàn thuế GTGT của Đoàn kiểm tra theo Quyết định 1166/QĐ-CT ngày 20/02/2017 của Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh.

c. Số thuế GTGT được khấu trừ chuyển sang kỳ sau giảm 3.022.000 đồng do thuế GTGT đầu ra tăng 3.022.000 đồng.

1.2.2. Thuế TNDN

a. **Lỗ từ hoạt động SXKD giảm 1.726.820.000 đồng, nguyên nhân:** Giảm giá vốn hàng bán, số tiền 1.726.820.000 đồng do Đoàn kiểm tra xác định khoản chi phục vụ hoạt động vận tải không có đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ (chi phí không có thuế GTGT) theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính (có biểu chi tiết kèm theo).

b. **Chuyển lỗ:** Số lỗ phát sinh trong năm 2014 qua kiểm tra là 80.678.577.735 đồng, đơn vị được thực hiện chuyển lỗ liên tục và thời gian tối đa được chuyển lỗ đến hết kỳ tính thuế TNDN năm 2019.

1.2.3. **Thuế TNCN phát sinh phải nộp tăng 1.289.250 đồng** do đơn vị chưa khấu trừ thuế TNCN khi chi trả cổ tức cho cổ đông là cá nhân. Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 2 và Điều 10 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính, Đoàn kiểm tra xác định tăng số thuế TNCN phải nộp số tiền 1.289.250 đồng (Có biểu chi tiết kèm theo).

1.3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ NSNN:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chi tiêu	Theo dõi tồn đọng năm trước			Số phát sinh năm 2014			Tổng số còn phải nộp đến 31/12/2014 Thừa (-); Thiếu (+)
		Kỳ trước chuyển sang 1/1/2014 Thừa (-); Thiếu (+)	Số đã nộp cho tồn đọng	Số còn tồn đọng Thừa (-); Thiếu (+)	Phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp cho phát sinh trong kỳ	Số còn phải nộp cho phát sinh trong kỳ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Số báo cáo	-125.279.915	-88.196.295	-37.083.620	230.534.247	9.027.246	221.507.001	184.423.381
1	Thuế GTGT	0	0	0	0	0	0	0
2	Thuế TNCN	-37.083.620	0	-37.083.620	32.653.305	6.027.246	26.626.059	-10.457.561
3	Thuế TNDN	-88.196.295	-88.196.295	0	194.880.942	0	194.880.942	194.880.942
4	Thuế môn bài	0	0	0	3.000.000	3.000.000	0	0
II	Số tăng, giảm qua kiểm tra	894.711.293	894.711.293	0	0	0	0	0
1	Thuế GTGT	15.038.901	15.038.901	0	0	0	0	0
2	Thuế TNCN	0	0	0	1.289.250	0	1.289.250	1.289.250
3	Thuế TNDN	879.672.392	879.672.392	0	0	0	0	0
III	Tổng cộng (I+II)	769.431.378	806.514.998	-37.083.620	230.534.247	9.027.246	221.507.001	184.423.381

2. Kết quả kiểm tra năm 2015:

2.1. Kết quả kiểm tra:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chi tiêu	Số khai thuế của đơn vị	Số liệu kiểm tra	Chênh lệch Tăng (+); Giảm (-)
A	THUẾ GTGT			
1	Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra (=2+3)	68.781.798.449	68.810.418.449	28.620.000
2	Giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	0	0	0
3	Giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT	68.781.798.449	68.810.418.449	28.620.000
-	Giá trị HH, DV bán ra chịu thuế suất 0%	494.977.000	494.977.000	
-	Giá trị HH, DV bán ra chịu thuế suất 10%	68.286.821.449	68.315.441.449	28.620.000

4	Thuế GTGT đầu ra	6.828.682.055	6.828.682.055	0
-	Nhóm thuế suất 10%	6.828.682.055	6.831.544.055	2.862.000
5	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	6.095.495.597	6.095.495.597	0
6	Thuế GTGT còn được khấu trừ năm trước chuyển sang	12.865.084	9.843.084	-3.022.000
7	Thuế GTGT phải nộp	794.859.143	797.881.143	3.022.000
8	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau	74.537.769	71.675.769	-2.862.000
B	THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:			0
B.1	Hoạt động SXKD (TK mẫu 03-1A/TNDN)			
1	Tổng doanh thu	68.352.081.828	68.352.081.828	0
a	- Doanh thu hoạt động SXKD	68.303.786.328	68.303.786.328	0
b	- Doanh thu hoạt động tài chính	48.295.500	48.295.500	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0
3	Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	225.078.551.921	222.723.591.921	-2.354.960.000
a	- Giá vốn hàng bán	62.398.012.482	60.043.052.482	-2.354.960.000
b	- Chi phí bán hàng	673.251.535	673.251.535	0
c	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.759.460.362	6.759.460.362	0
d	- Chi phí tài chính	155.247.827.542	155.247.827.542	0
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (=1-2-3)	-156.726.470.093	-154.371.510.093	2.354.960.000
5	Lợi nhuận khác	1.124.266.132	1.124.266.132	0
a	- Thu nhập khác	1.218.916.265	1.218.916.265	0
b	- Chi phí khác	94.650.133	94.650.133	0
6	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	-155.602.203.961	-153.247.243.961	2.354.960.000
7	Điều chỉnh tăng tổng thu nhập chịu thuế TNDN	256.182.548	256.182.548	0
8	Điều chỉnh giảm tổng thu nhập chịu thuế TNDN	17.321.023.573	17.321.023.573	0
9	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN sau điều chỉnh	-172.667.044.986	-170.312.084.986	2.354.960.000
10	Thuế suất thuế TNDN	22%	22%	0
11	Thuế TNDN phải nộp	0	0	0
B.1	Hoạt động chuyển nhượng BDS (03-5/TNDN)			
1	Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.660.948.780	1.660.948.780	0
2	Chi phí từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	775.126.315	775.126.315	0
3	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	885.822.465	885.822.465	0
4	Thuế suất thuế TNDN	22%	22%	0
5	Tổng thuế TNDN phải nộp	194.880.942	194.880.942	0
C	THUẾ KHÁC:	58.763.406	58.763.406	0
1	Thuế môn bài	3.000.000	3.000.000	0
2	Thuế TNCN	55.763.406	55.763.406	0

2.2. Giải thích chênh lệch:

1.2.1. Thuế GTGT

a. Doanh thu chịu thuế GTGT suất thuế 10% tăng 28.620.000 đồng, thuế GTGT đầu ra tăng 2.862.000 đồng, nguyên nhân: Đơn vị kê khai thiếu doanh thu đối với hàng hóa dùng để cho, biếu, tặng, số tiền 28.620.000 đồng. Căn cứ quy định tại



khoản 3 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT- BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính, Đoàn kiểm tra xác định tăng doanh thu chịu GTGT thuế suất 10% là 28.620.000 đồng, thuế GTGT đầu ra tăng 2.862.000 đồng (có biểu chi tiết kèm theo).

b. Số thuế GTGT phải nộp tăng 3.022.000 đồng, số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển sang kỳ sau tăng 2.862.000 đồng do thuế GTGT đầu vào được khấu trừ từ kỳ trước chuyển sang giảm 3.022.000 đồng và thuế GTGT đầu ra tăng 2.862.000 đồng.

1.2.2. Thuế TNDN

a. Lỗ từ hoạt động SXKD giảm 2.354.960.000 đồng, nguyên nhân:

- Giảm giá vốn hàng số tiền 2.329.220.000 đồng do Đoàn kiểm tra xác định khoản chi phục vụ hoạt động vận tải không có đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ (chi phí không có thuế GTGT theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính (có biểu chi tiết kèm theo).

- Giảm giá vốn hàng bán số tiền 25.740.000 đồng do đơn vị hạch toán khoản chi có giá trị trên 20 triệu đồng thanh toán bằng tiền mặt vào chi phí tính thuế TNDN. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN, Đoàn kiểm tra xác định giảm giá vốn hàng bán, số tiền 25.740.000 đồng.

b. Chuyển lỗ: Số lỗ phát sinh trong năm 2015 qua kiểm tra là 170.312.084.986 đồng, đơn vị thực hiện chuyển lỗ liên tục và thời gian tối đa được chuyển lỗ đến hết kỳ tính thuế TNDN năm 2020.

2.3 Tình hình thực hiện nghĩa vụ NSNN:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chi tiêu	Theo dõi tồn đọng năm trước			Số phát sinh năm 2015			Tổng số còn phải nộp đến 31/12/2015 Thừa (-); Thiếu (+)
		Kỳ trước chuyển sang 1/1/2015 Thừa (-); Thiếu (+)	Số đã nộp cho tồn đọng	Số còn tồn đọng Thừa (-); Thiếu (+)	Phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp cho phát sinh trong kỳ	Số còn phải nộp cho phát sinh trong kỳ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Số báo cáo	184.423.381	0	184.423.381	1.051.525.491	849.318.547	202.206.944	386.630.326
1	Thuế GTGT	0	0	0	797.881.143	794.859.143	3.022.000	3.022.000
2	Thuế TNCN	-10.457.561	0	-10.457.561	55.763.406	51.459.404	4.304.002	-6.153.559
3	Thuế TNDN	194.880.942	0	194.880.942	194.880.942	0	194.880.942	389.761.885
4	Thuế môn bài	0	0	0	3.000.000	3.000.000	0	0
II	Số tăng, giảm qua kiểm tra	1.289.250	0	1.289.250	3.022.000	0	3.022.000	4.311.250
1	Thuế GTGT	0	0	0	3.022.000	0	3.022.000	3.022.000
2	Thuế TNCN	1.289.250	0	1.289.250	0	0	0	1.289.250
III	Tổng cộng (I+II)	185.417.631	0	185.417.631	1.054.547.491	849.318.547	205.228.944	390.941.576

3. Kết quả kiểm tra năm 2016:

3.1 Kết quả kiểm tra:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chi tiêu	Số khai thuế của đơn vị	Số liệu kiểm tra	Chênh lệch Tăng (+); Giảm (-)
A	THUẾ GTGT			
1	Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra (=2+3)	50.194.936.642	50.194.936.642	0
2	Giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	0	0	0
3	Giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT	50.194.936.642	50.194.936.642	0

-	Giá trị HH, DV bán ra chịu thuế suất 0%	246.188.250	246.188.250	
-	Giá trị HH, DV bán ra chịu thuế suất 10%	49.948.748.392	49.948.748.392	0
4	Thuế GTGT đầu ra	4.994.874.872	4.994.874.872	0
-	Nhóm thuế suất 10%	4.994.874.872	4.994.874.872	0
5	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	3.613.189.598	3.613.189.598	0
6	Thuế GTGT còn được khấu trừ năm trước chuyển sang	74.537.769	71.675.769	-2.862.000
7	Thuế GTGT phải nộp	1.307.147.505	1.310.009.505	2.862.000
8	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau	0	0	0
B	THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:			0
B.1	Hoạt động SXKD (TK mẫu 03-1A/TNDN)			
1	Tổng doanh thu	49.853.781.577	49.853.781.577	0
a	- Doanh thu hoạt động SXKD	49.846.700.295	49.846.700.295	0
b	- Doanh thu hoạt động tài chính	7.081.282	7.081.282	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0
3	Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	52.782.791.022	51.083.941.022	-1.698.850.000
a	- Giá vốn hàng bán	45.948.265.247	44.249.415.247	-1.698.850.000
b	- Chi phí bán hàng	617.538.162	617.538.162	0
c	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.183.697.576	6.183.697.576	0
d	- Chi phí tài chính	33.290.037	33.290.037	0
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (=1-2-3)	-2.929.009.445	-1.230.159.445	1.698.850.000
5	Lợi nhuận khác	739.280.629	739.280.629	0
a	- Thu nhập khác	1.209.324.999	1.209.324.999	0
b	- Chi phí khác	470.044.370	470.044.370	0
6	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	-2.189.728.816	-490.878.816	1.698.850.000
7	Điều chỉnh tăng tổng thu nhập chịu thuế TNDN	1.453.735.227	1.453.735.227	0
8	Điều chỉnh giảm tổng thu nhập chịu thuế TNDN	36.593.816.898	36.593.816.898	0
9	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN sau điều chỉnh	-37.329.810.487	-35.630.960.487	1.698.850.000
10	Thuế suất thuế TNDN	22%	22%	0
11	Thuế TNDN phải nộp	0	0	0
B.1	Hoạt động chuyển nhượng BDS (03-5/TNDN)			
1	Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.660.948.780	1.660.948.780	0
2	Chi phí từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	775.126.315	775.126.315	0
3	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	885.822.465	885.822.465	0
4	Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	0
5	Tổng thuế TNDN phải nộp	177.164.493	177.164.493	0
C	THUẾ KHÁC:	56.992.499	56.992.499	0
1	Thuế môn bài	3.000.000	3.000.000	0
2	Thuế TNCN	53.992.499	53.992.499	0

3.2. Giải thích chênh lệch:

1.2.2. Thuế TNDN

a. Lỗ từ hoạt động SXKD giảm 1.698.850.000 đồng, nguyên nhân: Giảm giá vốn hàng số tiền 1.698.850.000 đồng do Đoàn kiểm tra xác định khoản chi phục vụ hoạt động vận tải không có đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ (chi phí không có thuế

Handwritten signature and number 7

GTGT) theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính (có biểu chi tiết kèm theo).

b. Chuyển lỗ: Số lỗ phát sinh trong năm 2016 qua kiểm tra là 35.630.960.487 đồng, đơn vị thực hiện chuyển lỗ liên tục và thời gian tối đa được chuyển lỗ đến hết kỳ tính thuế TNDN năm 2021.

3.3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ NSNN:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chi tiêu	Theo dõi tồn đọng năm trước			Số phát sinh năm 2016			Tổng số còn phải nộp đến 31/12/2016 Thừa (-); Thiếu (+)
		Kỳ trước chuyển sang 1/1/2016 Thừa (-); Thiếu (+)	Số đã nộp cho tồn đọng	Số còn tồn đọng Thừa (-); Thiếu (+)	Phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp cho phát sinh trong kỳ	Số còn phải nộp cho phát sinh trong kỳ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Số báo cáo	386.630.326	3.022.000	383.608.326	1.544.166.497	1.146.944.946	397.221.551	780.829.877
1	Thuế GTGT	3.022.000	3.022.000	0	1.310.009.505	1.092.702.356	217.307.149	217.307.149
2	Thuế TNCN	-6.153.559	0	-6.153.559	53.992.499	51.242.590	2.749.909	-3.403.650
3	Thuế TNDN	389.761.885	0	389.761.885	177.164.493	0	177.164.493	566.926.378
4	Thuế môn bài	0	0	0	3.000.000	3.000.000	0	0
II	Số tăng, giảm qua kiểm tra	4.311.250	0	4.311.250	2.862.000	0	2.862.000	7.173.250
1	Thuế GTGT	3.022.000	0	3.022.000	2.862.000	0	2.862.000	5.884.000
2	Thuế TNCN	1.289.250	0	1.289.250		0	0	1.289.250
Tổng cộng (I+II)		390.941.576	3.022.000	387.919.576	1.547.028.497	1.146.944.946	400.083.551	788.003.127

II. KIỂM TRA TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ HÓA ĐƠN BÁN HÀNG HOÁ, CUNG ỨNG DỊCH VỤ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 51/2010/NĐ-CP NGÀY 14/5/2010 VÀ NGHỊ ĐỊNH 04/2014/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ:

1. Về đối tượng, trường hợp sử dụng hoá đơn:

Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân là doanh nghiệp cổ phần ngoài Nhà nước hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700688013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 5/11/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 20/12/2013. Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ, căn cứ Điều 8 Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính quy định về hoá đơn bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ thì Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân thuộc đối tượng, trường hợp được tạo hoá đơn đặt in để sử dụng.

2. Về thông báo phát hành hoá đơn: Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân đã gửi Thông báo phát hành hóa đơn đến Cục thuế tỉnh Quảng Ninh. Thông báo phát hành hoá đơn của đơn vị được thực hiện đúng theo mẫu quy định.

3. Sử dụng hóa đơn: Đối chiếu hoá đơn thông báo phát hành và hóa đơn thực tế đơn vị sử dụng đến hết 31/12/2016, Đoàn kiểm tra xác định vị đã sử dụng đúng hoá đơn đặt in như đã báo cáo với cơ quan thuế, số lượng hóa đơn đặt in còn đến hết ngày 31/12/2016, cụ thể như sau:

STT	Tên loại hoá đơn	Mẫu số	Ký hiệu	Từ số đến số	Số lượng
1	Hóa đơn GTGT	01GTTK3/001	AA/10P	2044-2500	457 số

4. Về thực hiện báo cáo:

Hàng quý Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân đã thực hiện nộp Báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn cho Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh đúng theo quy định tại Điều 27 Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính.

 8

5. Về lập hoá đơn:

Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân đã thực hiện lập hoá đơn giao cho khách hàng khi cung cấp hàng hoá, dịch vụ đúng theo quy định tại Điều 16 Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính.

III. KIỂM TRA VIỆC TRÍCH, NỘP BHXH VÀ KPCĐ THEO QUY CHẾ PHỐI HỢP:

Thực hiện quy chế phối hợp, Đoàn kiểm tra đã tiến hành ghi nhận lại số liệu trích, nộp BHXH và KPCĐ tại Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân từ năm 2014 đến năm 2016 (Có biên bản chi tiết kèm theo).

IV. TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:

Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân góp vốn vào công ty TNHH cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân, MST: 57008844515, số tiền 473.212.674.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ (tổng vốn góp thực tế của các bên là 944.931.918.576 đồng). Do công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân có số lỗ lũy kế đến 31/12/2016 là: 1.095.393.899.994 đồng (trong đó, số lỗ năm 2012 và năm 2013 đã được Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh xác định tại Biên bản kiểm tra), Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, số liệu trích lập các năm như sau:

Năm	Số trích lập dự phòng	Ghi chú
2013	130.302.027.482	Theo số kiểm tra cơ quan thuế
2014	135.412.202.566	Cơ quan thuế chưa thanh tra kiểm tra tại Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân
2015	171.735.776.664	
2016	35.762.667.288	
Tổng	473.212.674.000	

Qua kiểm tra, Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Tại thời điểm kiểm tra, Đoàn kiểm tra tạm thời xác nhận số liệu trích lập dự phòng của Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân căn cứ vào số liệu trên Báo cáo tài chính và Tờ khai quyết toán thuế do Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân gửi cơ quan thuế (từ năm 2014 đến năm 2016). Trường hợp, sau này số lỗ từ hoạt động SXKD theo xác định của cơ quan thuế chênh lệch với số liệu đã khai tại tờ khai quyết toán thuế, Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân phải điều chỉnh số liệu trích lập dự phòng và lỗ lũy kế được chuyển.

B. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Kết quả kiểm tra tại biên bản này, Đoàn kiểm tra căn cứ vào hồ sơ khai thuế của đơn vị, các bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra, sổ sách kế toán, hoá đơn, chứng từ từ năm 2014 đến hết năm 2016 và hồ sơ sử dụng hóa đơn đặt in do Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân lưu giữ và cung cấp cho Đoàn kiểm tra tại thời điểm kiểm tra.



Đơn vị phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của sổ sách kế toán, hoá đơn, chứng từ kế toán và các số liệu, tài liệu đã cung cấp cho Đoàn kiểm tra. Trường hợp sau này phát hiện còn có những tài liệu, số liệu khác với tài liệu, số liệu đã cung cấp cho Đoàn kiểm tra liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế của Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân thì đơn vị phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

I. Kết luận:

1. Về việc mở, ghi chép, trên sổ sách kế toán và hoá đơn chứng từ:

- Đơn vị áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chung. Đơn vị đã mở sổ kế toán, ghi sổ kế toán phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

- Đơn vị đã thực hiện chế độ hoá đơn, chứng từ kế toán khi mua, bán hàng hoá và cung ứng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về việc khai thuế: Đơn vị đã thực hiện việc lập và gửi tờ khai thuế GTGT hàng tháng, tờ khai tự quyết toán thuế TNDN và TNCN đến Cơ quan thuế theo quy định. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện pháp luật thuế đơn vị còn có một số tồn tại sau:

- **Về thuế GTGT:** Đơn vị kê khai thiếu doanh thu tính thuế giá trị gia tăng, khai thiếu thuế GTGT đầu ra dẫn đến khai sai thuế GTGT phải nộp số tiền 5.884.000 đồng. Như vậy đơn vị đã vi phạm quy định tại Khoản 2, Điều 7 Luật số 13/2008/QH12 và Điều 30 Luật Quản lý thuế.

- **Về thuế TNDN:** Đơn vị hạch toán sai chi phí tính thuế TNDN dẫn đến tăng lỗ từ hoạt động SXKD số tiền 5.780.630.000 đồng. Như vậy đơn vị đã vi phạm Điều 9 Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 và Điều 30 Luật Quản lý thuế.

- **Về thuế TNCN:** Đơn vị không trích nộp thuế TNCN khi chi trả cổ tức cho cổ đông cá nhân dẫn tới thiếu thuế TNCN phải nộp, số tiền 1.289.250 đồng. Như vậy đơn vị đã vi phạm quy định tại Điều 3, Điều 24 Luật thuế TNCN và Điều 30 Luật Quản lý thuế.

II. Yêu cầu và kiến nghị:

1. Về khắc phục hậu quả do hành vi khai sai dẫn đến làm thiếu số tiền thuế phải nộp:

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế, các Luật thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành. Căn cứ Điều 3 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

Đoàn kiểm tra đề nghị Lãnh đạo Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định truy thu số thuế tăng qua kiểm tra, số tiền: **7.173.250 đồng** (trong đó, thuế GTGT là 5.884.000 đồng, thuế TNCN là 1.289.250 đồng) do khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp.

Đối với số lỗ qua kiểm tra giảm số tiền 5.780.630.000 đồng, yêu cầu đơn vị điều chỉnh sổ sách theo quy định.

2. Về xử phạt vi phạm hành chính:

Trong kỳ kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế tại Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân, Đoàn kiểm tra xác định đơn vị đã khai khai sai dẫn đến thiếu số tiền

thuế phải nộp. Tuy nhiên đơn vị đã ghi chép, phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế làm phát sinh nghĩa vụ thuế trên sổ kế toán.

Căn cứ mức độ vi phạm của đơn vị; Căn cứ Điều 106, Điều 107 Luật Quản lý thuế và Khoản 32, khoản 33 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung Luật Quản lý thuế (Luật số 21/2012/QH13), Điều 3 Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Khoản 2 Điều 3; Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

Đoàn kiểm tra báo cáo Lãnh đạo Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh xử lý vi phạm đối với đơn vị theo đúng qui định của Pháp luật hiện hành.

3. Kiến nghị:

Căn cứ vào các số liệu đã nêu trong biên bản kiểm tra này, Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân có trách nhiệm điều chỉnh về sổ sách kế toán; thực hiện đúng các luật thuế, xác định và hạch toán đúng, đủ các khoản doanh thu, chi phí, các khoản thuế phát sinh phải nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật thuế; quản lý và sử dụng hoá đơn, ấn chỉ thuế theo đúng chế độ hiện hành.

Yêu cầu đơn vị phải nghiêm chỉnh thực hiện Luật Quản lý thuế, các Luật thuế, Pháp lệnh thuế trong việc khai thuế, nộp thuế, quyết toán số thuế phát sinh phải nộp và nộp thuế vào NSNN theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế, các Luật thuế và Pháp lệnh thuế.

C. Ý KIẾN CỦA ĐƠN VỊ:

.....
.....
.....
.....

Biên bản gồm 11 trang và phụ biểu kèm theo được thông qua cùng ngày, được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, Đoàn kiểm tra: 04 bản, Đơn vị: 01 bản./.

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 11 năm 2017

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

Tổng Giám đốc

Phó phòng TCKT

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

Trưởng đoàn



Phạm Văn Toàn

Vũ Thị An

Nguyễn Thị Minh

BIÊN BẢN XÁC NHẬN THUẾ GTGT ĐẦU RA ĐỐI VỚI HÀNG HÓA DÙNG ĐỂ BIỂU, TẶNG

Công ty cổ phần đầu tư cảng Cái Lân; Mã số thuế - 5700688013

Kèm theo Biên bản kiểm tra lập ngày tháng năm 2017

Thực hiện Quyết định số 8484 /QĐ-CT ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh về việc kiểm tra Thuế
Hôm nay ngày 14 tháng 11 năm 2017 Chúng tôi

I. Đại diện đơn vị:

Ông: Phạm Văn Toàn - Tổng Giám đốc

Bà: Vũ Thị An - Phó phòng Kế toán

II. Đại diện cơ quan thuế

Bà: Bùi Thu Trang - Chuyên viên thuế phòng kiểm tra thuế số 2.

cùng tiến hành xác nhận số liệu như sau:

STT	Nội dung	Giá trị HHDV	Thuế GTGT đầu ra		
			Số kê khai	Số kiểm tra	Chênh lệch
Năm 2014					
1	Quà tặng cho CBCNV	30.220.000	0	3.022.000	3.022.000
Năm 2015					
1	Quà tặng cho CBCNV	28.620.000	0	2.862.000	2.862.000
Tổng cộng		58.840.000	0	5.884.000	5.884.000

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

Phòng Tài chính Kế toán



Phạm Văn Toàn

Vũ Thị An

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

Bùi Thu Trang

BIÊN BẢN XÁC NHẬN SỐ LIỆU KIỂM TRA DOANH THU VÀ THUẾ GTGT ĐẦU RA

Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân - Mã số thuế: 5700688013

Kèm theo Biên bản kiểm tra lập ngày tháng năm 2017

Thực hiện Quyết định số 8484/QĐ-CT ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh về việc kiểm tra Thuế tại doanh nghiệp.

Hôm nay ngày tháng năm 2017 Chúng tôi gồm:

I. Đại diện đơn vị:

Ông: Phạm Văn Toàn - Tổng giám đốc

Bà: Vũ Thị An - Phó phòng Kế toán

II. Đại diện cơ quan thuế:

Bà: Hoàng Thị Thu Hà - Chuyên viên phòng kiểm tra thuế số 2.

cùng tiến hành xác nhận số liệu như sau:

STT	Chi tiêu	Doanh thu tính TNDN			Giá trị hàng hoá dịch vụ bán ra tính thuế GTGT			Thuế GTGT đầu ra		
		Số khai thuế của đơn vị	Số kiểm tra	Chênh lệch	Số khai thuế của đơn vị	Số kiểm tra	Chênh lệch	Số khai thuế của đơn vị	Số kiểm tra	Chênh lệch
	NĂM 2014 = A+B	110.668.904.293	110.668.904.293	-	110.508.461.983	110.538.681.983	30.220.000	8.663.506.599	8.666.528.601	3.022.000
A	Hoạt động SXKD (I+II+III)	109.007.955.513	109.007.955.513	-	110.508.461.983	110.538.681.983	30.220.000	8.663.506.599	8.666.528.600	3.022.000
I	Doanh thu SXKD:	107.743.647.463	107.743.647.463	-	110.479.261.986	110.509.481.986	30.220.000	8.660.586.599	8.663.608.600	3.022.000
1	HHDV chịu thuế GTGT:	107.743.647.463	107.743.647.463	-	110.479.261.986	110.509.481.986	30.220.000	8.660.586.599	8.663.608.600	3.022.000
a	Hàng hoá, DV chịu thuế suất 0%	23.873.395.998	23.873.395.998	-	23.873.395.998	23.873.395.998	-	-	-	-
-	Xuất khẩu	19.744.037.298	19.744.037.298	-	19.744.037.298	19.744.037.298	-	-	-	-
-	Dịch vụ lai dắt	4.129.358.700	4.129.358.700	-	4.129.358.700	4.129.358.700	-	-	-	-
b	Hàng hoá, DV chịu thuế suất 5%	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	Hàng hoá, DV chịu thuế suất 10%	83.870.251.465	83.870.251.465	-	86.605.865.988	86.636.085.988	30.220.000	8.660.586.599	8.663.608.600	3.022.000
-	Vận tải	36.674.885.269	36.674.885.269	-	36.674.885.269	36.674.885.269	-	3.667.488.526	3.667.488.527	-
-	Vận tải tiêu dùng nội bộ				2.735.614.523	2.735.614.523		273.561.452	273.561.452	
-	Dịch vụ làm hàng dầm gỗ	42.300.028.868	42.300.028.868	-	42.300.028.868	42.300.028.868	-	4.230.002.887	4.230.002.887	-
-	Dịch vụ thủ tục hải quan	1.188.854.546	1.188.854.546	-	1.188.854.546	1.188.854.546		118.885.455	118.885.455	
-	Đại lý hàng hải	162.243.055	162.243.055	-	162.243.055	162.243.055	-	16.224.306	16.224.306	-
-	Dịch vụ lai dắt	18.348.818	18.348.818	-	18.348.818	18.348.818	-	1.834.882	1.834.882	-
-	Dịch vụ đóng rút container	3.525.890.909	3.525.890.909	-	3.525.890.909	3.525.890.909	-	352.589.091	352.589.091	-
-	Quà tặng				-	30.220.000	30.220.000	-	3.022.000	3.022.000
II	Doanh thu tài chính (515)	70.766.319	70.766.319	-	-	-		-	-	
III	Thu nhập khác:	1.193.541.731	1.193.541.731	-	29.199.997	29.199.997	-	2.920.000	2.920.000	-
-	Thanh lý vật tư	29.199.997	29.199.997	-	29.199.997	29.199.997	-	2.920.000	2.920.000	-
-	Đánh giá tại TS góp vốn, khác	1.164.341.734	1.164.341.734	-						
B	Doanh thu BDS	1.660.948.780	1.660.948.780	-	-	-	-	-	-	-
-	Cho thuê quyền sử dụng đất (đã xuất hóa đơn năm 2012)	1.660.948.780	1.660.948.780	-			-	-	-	-
	NĂM 2015 = A+B	71.670.605.360	71.670.605.360	-	68.781.798.449	68.810.418.449	28.620.000	6.828.682.055	6.831.544.146	2.862.000
A	Hoạt động SXKD (I+II+III)	70.009.656.580	70.009.656.580	-	68.781.798.449	68.810.418.449	28.620.000	6.828.682.055	6.831.544.145	2.862.000
I	Doanh thu SXKD:	68.303.786.328	68.303.786.328	-	68.303.786.328	68.332.406.328	28.620.000	6.780.880.843	6.783.742.933	2.862.000
1	HHDV chịu thuế GTGT:	68.303.786.328	68.303.786.328	-	68.303.786.328	68.332.406.328	28.620.000	6.780.880.843	6.783.742.933	2.862.000
a	Hàng hoá, DV chịu thuế suất 0%	494.977.000	494.977.000	-	494.977.000	494.977.000	-	-	-	-
-	Dịch vụ lai dắt	494.977.000	494.977.000	-	494.977.000	494.977.000	-	-	-	-
b	Hàng hoá, DV chịu thuế suất 5%	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	Hàng hoá, DV chịu thuế suất 10%	67.808.809.328	67.808.809.328	-	67.808.809.328	67.837.429.328	28.620.000	6.780.880.843	6.783.742.933	2.862.000
-	Vận tải	40.637.742.209	40.637.742.209	-	40.637.742.209	40.637.742.209	-	4.063.774.131	4.063.774.221	-
-	Dịch vụ làm hàng dầm gỗ	25.419.998.799	25.419.998.799	-	25.419.998.799	25.419.998.799	-	2.541.999.880	2.541.999.880	-

STT	Chi tiêu	Doanh thu tính TNDN			Giá trị hàng hoá dịch vụ bán ra tính thuế GTGT			Thuế GTGT đầu ra		
		Số khai thuế của đơn vị	Số kiểm tra	Chênh lệch	Số khai thuế của đơn vị	Số kiểm tra	Chênh lệch	Số khai thuế của đơn vị	Số kiểm tra	Chênh lệch
-	Dịch vụ thủ tục hải quan	1.537.000.000	1.537.000.000	-	1.537.000.000	1.537.000.000		153.700.000	153.700.000	
-	Đại lý hàng hải	64.595.136	64.595.136	-	64.595.136	64.595.136	-	6.459.514	6.459.514	-
-	Dịch vụ lai đất	147.308.184	147.308.184	-	147.308.184	147.308.184	-	14.730.818	14.730.818	-
-	Khác	2.165.000	2.165.000	-	2.165.000	2.165.000	-	216.500	216.500	-
-	Quà tặng					28.620.000	28.620.000		2.862.000	2.862.000
II	Doanh thu tài chính (515)	48.295.500	48.295.500	-		-		-	-	
III	Thu nhập khác:	1.657.574.752	1.657.574.752	-	478.012.121	478.012.121	-	47.801.212	47.801.212	-
-	Thanh lý vật tư	478.012.121	478.012.121	-	478.012.121	478.012.121	-	47.801.212	47.801.212	-
-	Đánh giá tại TS góp vốn, khác	1.179.562.631	1.179.562.631	-			-			
B	Doanh thu BDS	1.660.948.780	1.660.948.780	-	-	-	-	-	-	-
-	Cho thuê quyền sử dụng đất (đã xuất hóa đơn năm 2012)	1.660.948.780	1.660.948.780	-						-
	NĂM 2016 = A+B	52.731.441.720	52.731.441.720	-	50.194.936.642	50.194.936.642	-	4.994.874.872	4.994.874.872	-
A	Hoạt động SXKD	51.070.492.940	51.070.492.940	-	50.194.936.642	50.194.936.642	-	4.994.874.872	4.994.874.872	-
I	Hoạt động SXKD (I+II+III)	49.846.700.295	49.846.700.295	-	50.176.700.295	50.176.700.295	-	4.993.051.237	4.993.051.237	-
I	HHDV chịu thuế GTGT:	49.846.700.295	49.846.700.295	-	50.176.700.295	50.176.700.295	-	4.993.051.237	4.993.051.237	-
a	Hàng hoá, DV chịu thuế suất 0%	246.188.250	246.188.250	-	246.188.250	246.188.250	-	-	-	-
-	Dịch vụ lai đất	246.188.250	246.188.250	-	246.188.250	246.188.250		-	-	-
b	Hàng hoá, DV chịu thuế suất 5%	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	Hàng hoá, DV chịu thuế suất 10%	49.600.512.045	49.600.512.045	-	49.930.512.045	49.930.512.045	-	4.993.051.237	4.993.051.237	-
-	Vận tải	38.089.313.652	38.089.313.652	-	38.089.313.652	38.089.313.652	-	3.808.931.397	3.808.931.397	-
-	Dịch vụ lâm hàng dầm gỗ	6.673.133.297	6.673.133.297	-	6.673.133.297	6.673.133.297	-	667.313.330	667.313.330	-
-	Dịch vụ thủ tục hải quan	1.572.322.727	1.572.322.727	-	1.572.322.727	1.572.322.727	-	157.232.273	157.232.273	-
-	Đại lý hàng hải	35.831.820	35.831.820	-	35.831.820	35.831.820	-	3.583.182	3.583.182	-
-	Dịch vụ lai đất	50.909.092	50.909.092	-	50.909.092	50.909.092	-	5.090.909	5.090.909	-
-	Khác (san gạt, cho thuê phương tiện, kho)	3.179.001.457	3.179.001.457	-	3.179.001.457	3.179.001.457	-	317.900.146	317.900.146	-
-	Doanh thu chưa thực hiện (cho thuê)				330.000.000	330.000.000	-	33.000.000	33.000.000	-
II	Doanh thu tài chính (515)	7.081.282	7.081.282	-		-	-	-	-	-
III	Thu nhập khác:	1.216.711.363	1.216.711.363	-	18.236.347	18.236.347	-	1.823.635	1.823.635	-
-	Thanh lý vật tư	18.236.347	18.236.347		18.236.347	18.236.347	-	1.823.635	1.823.635	-
-	Đánh giá tại TS góp vốn, khác	1.198.475.016	1.198.475.016							
B	Doanh thu BDS	1.660.948.780	1.660.948.780	-	-	-	-	-	-	-
-	Cho thuê quyền sử dụng đất (đã xuất hóa đơn năm 2012)	1.660.948.780	1.660.948.780	-						-

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2017



ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

Phòng Tài chính Kế toán

[Signature]
Vũ Thị An

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

[Signature]
Hoàng Thị Thu Hà

BIỂU TĂNG THU NHẬP KHÁC VÀ THUẾ TNCN PHẢI NỘP**Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân - Mã số thuế: 5700688013**

Kèm theo Biên bản kiểm tra lập ngày tháng năm 2017

Hôm nay, ngày 11 tháng 11 năm 2017 Chúng tôi gồm:**I. Đại diện đơn vị:***Ông: Phạm Văn Toàn - Tổng giám đốc**Bà: Vũ Thị An - Phó phòng Kế toán***II. Đại diện cơ quan thuế:***Bà: Nguyễn Hoàng Lan - Chuyên viên thuế phòng Kiểm tra thuế số 2.*

Cùng tiến hành xác định công nợ không phải trả như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên đơn vị mua hàng hóa, cung cấp DV	Số tiền	Thuế TNCN	Ghi chú
I	Danh sách chi trả cổ tức 2008 trong năm 2014	25.785.000	1.289.250	
1	Phạm Hồng Phong	1.350.000	67.500	
2	Nguyễn Hữu Hoàn	3.435.000	171.750	
3	Bùi Cao Thùy	1.400.000	70.000	
4	Nguyễn Trọng Hoàng	11.600.000	580.000	
5	Trần Mạnh Thắng	2.100.000	105.000	
6	Nguyễn Đoàn Vỹ	5.900.000	295.000	

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ**Tổng Giám đốc****Phạm Văn Toàn****Phòng Tài chính Kế toán****Vũ Thị An****ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA****Nguyễn Hoàng lan**

PHỤ BIỂU TỔNG HỢP THUẾ GTGT PHẢI NỘP; ĐƯỢC KHẤU TRỪ TỪ NĂM 2014 ĐẾN HẾT NĂM 2016

Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân - Mã số thuế: 5700688013

Kèm theo Biên bản kiểm tra lập ngày tháng năm 2017

Thực hiện Quyết định số 8484/QĐ-CT ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh về việc kiểm tra Thuế tại doanh nghiệp.

Hôm nay, ngày 14 tháng 11 năm 2017 Chúng tôi gồm:

I. Đại diện đơn vị:

Ông: Phạm Văn Toàn - Phó giám đốc

Bà: Vũ Thị An - Phó phòng kế toán

II. Đại diện cơ quan thuế:

Bà: Hoàng Thị Thu Hà - Chuyên viên phòng kiểm tra thuế số 2.

cùng tiến hành xác nhận số liệu như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tháng, năm	Số khai thuế					Số kiểm tra					Chênh lệch			
		Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	Thuế GTGT đầu ra	Thuế GTGT để nghị hoàn	Số thuế GTGT phải nộp	Số thuế GTGT còn được khấu trừ trong kỳ	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	Thuế GTGT đầu ra	Thuế GTGT được hoàn	Số thuế GTGT phải nộp	Số thuế GTGT còn được khấu trừ trong kỳ	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	Thuế GTGT đầu ra	Số thuế GTGT phát sinh phải nộp tăng qua kiểm tra	Số thuế GTGT còn được khấu trừ trong kỳ
Thuế khấu trừ năm trước chuyển sang						1.532.921.699					1.532.921.699				0
I	Năm 2014	9.138.909.174	8.663.506.604	1.877.872.300	0		9.098.024.046	8.666.528.604	1.836.987.172	0	1.094.740.695	-40.885.128	3.022.000	0	
1	Tháng 1	521.112.082	1.086.723.055		0	967.310.726	521.112.082	1.086.723.055		0	967.310.726	0	0	0	0
2	Tháng 2	445.276.841	1.000.216.804		0	412.370.763	445.276.841	1.000.216.804		0	412.370.763	0	0	0	0
3	Tháng 3	1.221.108.698	1.003.263.439		0	630.216.022	1.221.108.698	1.003.263.439		0	630.216.022	0	0	0	0
4	Tháng 4	562.925.861	470.366.809		0	722.775.074	562.925.861	470.366.809		0	722.775.074	0	0	0	0
5	Tháng 5	1.123.953.012	532.240.067		0	1.314.488.019	1.123.953.012	532.240.067		0	1.314.488.019	0	0	0	0
6	Tháng 6	671.553.418	918.492.175		0	1.067.549.262	671.553.418	918.492.175		0	1.067.549.262	0	0	0	0
7	Tháng 7	210.972.602	485.444.941		0	793.076.923	210.972.602	485.444.941		0	793.076.923	0	0	0	0
8	Tháng 8	706.410.205	711.800.472		0	787.686.656	706.410.205	711.800.472		0	787.686.656	0	0	0	0
9	Tháng 9	350.119.378	528.062.253		0	609.743.781	309.234.250	528.062.253		0	568.858.653	-40.885.128	0	0	-40.885.128
10	Tháng 10	1.944.674.445	558.959.041	1.877.872.300	0	117.586.885	1.944.674.445	558.959.041	1.836.987.172	0	117.586.885	0	0	0	0
11	Tháng 11	821.551.719	771.093.877		0	168.044.727	821.551.719	771.093.877	0	0	168.044.727	0	0	0	0
12	Tháng 12	559.250.913	596.843.671		0	130.451.969	559.250.913	599.865.671		0	127.429.969	0	3.022.000	0	-3.022.000
II	Năm 2015	6.095.495.597	6.828.682.055	0	677.272.258		6.095.495.597	6.831.544.055	0	680.294.258	682.795.772	0	2.862.000	3.022.000	
1	Tháng 1	757.391.991	747.192.525		0	140.651.435	757.391.991	747.192.525		0	137.629.435	0	0	0	-3.022.000
2	Tháng 2	379.394.130	385.819.980		0	134.225.585	379.394.130	385.819.980		0	131.203.585	0	0	0	-3.022.000
3	Tháng 3	505.399.860	427.590.101		0	212.035.344	505.399.860	427.590.101		0	209.013.344	0	0	0	-3.022.000
4	Tháng 4	584.173.430	668.358.324		0	127.850.450	584.173.430	668.358.324		0	124.828.450	0	0	0	-3.022.000
5	Tháng 5	628.879.229	745.262.490		0	11.467.189	628.879.229	745.262.490		0	8.445.189	0	0	0	-3.022.000
6	Tháng 6	678.409.865	878.745.272		188.868.218	0	678.409.865	878.745.272		191.890.218	0	0	0	3.022.000	0
7	Tháng 7	533.651.072	537.632.115		3.981.043	0	533.651.072	537.632.115		3.981.043	0	0	0	0	0
8	Tháng 8	296.977.762	423.968.293		126.990.531	0	296.977.762	423.968.293		126.990.531	0	0	0	0	0
9	Tháng 9	368.287.913	474.844.269		106.556.356	0	368.287.913	474.844.269		106.556.356	0	0	0	0	0
10	Tháng 10	430.439.283	543.526.572		113.087.289	0	430.439.283	543.526.572		113.087.289	0	0	0	0	0
11	Tháng 11	472.839.824	610.628.645		137.788.821	0	472.839.824	610.628.645		137.788.821	0	0	0	0	0
12	Tháng 12	459.651.238	385.113.469		0	74.537.769	459.651.238	387.975.469		0	71.675.769	0	2.862.000	0	-2.862.000



STT	Tháng, năm	Số khai thuế					Số kiểm tra					Chênh lệch			
		Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	Thuế GTGT đầu ra	Thuế GTGT để nghị hoàn	Số thuế GTGT phải nộp	Số thuế GTGT còn được khấu trừ trong kỳ	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	Thuế GTGT đầu ra	Thuế GTGT được hoàn	Số thuế GTGT phải nộp	Số thuế GTGT còn được khấu trừ trong kỳ	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	Thuế GTGT đầu ra	Số thuế GTGT phát sinh phải nộp tăng qua kiểm tra	Số thuế GTGT còn được khấu trừ trong kỳ
III	Năm 2016	3.613.189.598	4.994.874.872	0	1.307.147.505		3.613.189.598	4.994.874.872	0	1.310.009.505	0	0	0	2.862.000	
1	Tháng 1	331.306.163	481.771.784		75.927.852	0	331.306.163	481.771.784		78.789.852	0	0	0	2.862.000	0
2	Tháng 2	385.711.598	498.794.914		113.083.316	0	385.711.598	498.794.914		113.083.316	0	0	0	0	0
3	Tháng 3	340.894.283	399.724.960		58.830.677	0	340.894.283	399.724.960		58.830.677	0	0	0	0	0
4	Tháng 4	268.449.074	402.484.871		134.035.797	0	268.449.074	402.484.871		134.035.797	0	0	0	0	0
5	Tháng 5	182.884.342	331.265.491		148.381.149	0	182.884.342	331.265.491		148.381.149	0	0	0	0	0
6	Tháng 6	166.260.282	221.787.143		55.526.861	0	166.260.282	221.787.143		55.526.861	0	0	0	0	0
7	Tháng 7	163.412.368	297.584.326		134.171.958	0	163.412.368	297.584.326		134.171.958	0	0	0	0	0
8	Tháng 8	215.173.632	361.885.159		146.711.527	0	215.173.632	361.885.159		146.711.527	0	0	0	0	0
9	Tháng 9	186.928.620	208.952.209		22.023.589	0	186.928.620	208.952.209		22.023.589	0	0	0	0	0
10	Tháng 10	270.290.027	340.873.111		70.583.084	0	270.290.027	340.873.111		70.583.084	0	0	0	0	0
11	Tháng 11	510.809.956	645.490.502	0	134.680.546	0	510.809.956	645.490.502	0	134.680.546	0	0	0	0	0
12	Tháng 12	591.069.253	804.260.402	0	213.191.149	0	591.069.253	804.260.402	0	213.191.149	0	0	0	0	0

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

Phòng Tài chính - Kế toán

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA



Vũ Thị An

Hoàng Thị Thu Hà

BIỂU CHI TIẾT LỖ KINH DOANH ĐƯỢC CHUYỂN QUA KIỂM TRA**Đơn vị: Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân - Mã số thuế: 5700688013**

Kèm theo Biên bản kiểm tra lập ngày tháng năm 2017

Thực hiện Quyết định số 8484/QĐ-CT ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh về việc kiểm tra thuế tại doanh nghiệp.

Hôm nay ngày 14 tháng 11 năm 2017 Chúng tôi gồm:

I. Đại diện đơn vị:

Ông: Phạm Văn Toàn - Tổng giám đốc

Bà: Vũ Thị An - Phó phòng Kế toán

II. Đại diện cơ quan thuế:

Bà: Hoàng Thị Thu Hà - Chuyên viên phòng Kiểm tra thuế số 2.

ĐVT: đồng

Năm	Số liệu khai thuế			Số liệu khai thuế			Chênh lệch số lỗ còn được chuyển kỳ sau	Thời gian chuyển liên tục đến hết	Ghi chú
	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn được chuyển	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn được chuyển			
Năm 2012	0	0	0	0	0	0	0		Theo biên bản kiểm tra QĐ 1437/QĐ-CT ngày 17/3
Năm 2013	172.436.085.656	0	172.436.085.656	119.761.580.494	0	119.761.580.494	-52.674.505.162	Năm 2018	
Năm 2014	82.405.397.735	0	254.841.483.391	80.678.577.735	0	200.440.158.229	-54.401.325.162	Năm 2019	
Năm 2015	172.667.044.986	0	427.508.528.377	170.312.084.986	0	370.752.243.215	-56.756.285.162	Năm 2020	
Năm 2016	37.329.810.487		464.838.338.864	35.630.960.487		406.383.203.702	-58.455.135.162	Năm 2021	

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Toàn

Phòng Tài chính Kế toán



Vũ Thị An

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

Hoàng Thị Thu Hà

BIÊN BẢN XÁC NHẬN SỐ LIỆU CHI TIẾT VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI, KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN

Công ty cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân; Mã số thuế: 5700688013

(Kèm theo Biên bản kiểm tra ngày / /2017 của Đoàn kiểm tra Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh)

Thực hiện Quyết định số 8484/QĐ-CT ngày 26/10/2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh về việc kiểm tra thuế tại doanh nghiệp.

Hôm nay ngày 14 tháng 11 năm 2017. Chúng tôi gồm:

I. Đại diện Đoàn Kiểm tra:

1. Bà: Nguyễn Hoàng Lan -Chuyên viên thuế Phòng Kiểm tra thuế số 2

II. Đại diện Đơn vị

1. Ông: Phạm Văn Toàn - Tổng Giám đốc

2. Bà: Vũ Thị An - Phó phòng Kế toán

Cùng tiến hành lập biên bản xác nhận số liệu kiểm tra về việc kê khai thuế như sau:

STT	Năm thanh tra, kiểm tra	Số lao động trong tổ chức trả thu nhập	Tình hình trích, nộp BHXH, KPCĐ ghi nhận trên sổ kế toán					Ghi chú
			Số lao động đang đóng, BHXH, KPCĐ bắt buộc (người)	Tổng số tiền BHXH, KPCĐ bắt buộc phải nộp trong năm tài chính (đồng)	Trong đó		Số tiền BHXH, KPCĐ đã tính vào chi phí để tính thuế theo quy định của pháp luật thuế (
					Số tiền BHXH, KPCĐ đã nộp	BHXH, KPCĐ chưa nộp (đồng)		
I	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Tồn đầu kỳ 2014					44.115.472		
-	KPCĐ					44.115.472		
II.1	Phát sinh năm 2014	54	54	1.207.977.031	1.193.694.223	58.398.280	799.104.632	
-	BHXH			1 080 894 432	1 098 694 223	(17.799.791)	718.382.872	
-	KPCĐ			127.082.599	95.000.000	76.198.071	80.721.760	
II.1	Phát sinh năm 2015	57	57	1.241.733.137	1.230.558.801	69.572.616	832.928.761	
-	BHXH			1 110 436 272	1 109 360 730	(16.724.249)	749.617.561	
-	KPCĐ			131.296.865	121 198 071	86.296.865	83.311.200	
III.1	Phát sinh năm 2016	51	51	1.273.424.356	1.247.609.804	95.387.168	838.492.120	
-	BHXH			1 144 947 449	1 128 223 200	0	753.343.200	
-	KPCĐ			128 476 907	119 386 604	95.387.168	85.148.920	

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

THÀNH VIÊN



Phạm Văn Toàn

Vũ Thị An

Nguyễn Hoàng Lan

BIÊN BẢN XÁC NHẬN CHI PHÍ KHÔNG HỢP LỆ TỪ NĂM 2014 ĐẾN HẾT NĂM 2016**Công ty cổ phần đầu tư cảng Cái Lân; Mã số thuế - 5700688013**

Kèm theo Biên bản kiểm tra lập ngày tháng năm 2017

Thực hiện Quyết định số 8484 /QĐ-CT ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh về việc kiểm tra Thuế tại doanh nghiệp.

Hôm nay ngày 14 tháng 11 năm 2017 Chúng tôi gồm:**I. Đại diện đơn vị:**Ông: *Phạm Văn Toàn - Tổng Giám đốc*Bà: *Vũ Thị An - Phó phòng Kế toán***II. Đại diện cơ quan thuế:**Bà: *Bùi Thu Trang - Chuyên viên thuế phòng kiểm tra thuế số 2.*

cùng tiến hành xác nhận số liệu như sau:

STT	Nội dung	Số Tiền	Ghi chú
I. Năm 2014			
1	Chi phí khác khoán cho lái xe	1.726.820.000	
II. Năm 2015			
1	Chi phí khác khoán cho lái xe	2.329.220.000	
III. Năm 2016			
1	Chi phí khác khoán cho lái xe	1.698.850.000	
IV. Tổng cộng		5.754.890.000	

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ**Tổng giám đốc****Phòng Tài chính Kế toán****Phạm Văn Toàn****Vũ Thị An****ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA****Bùi Thu Trang**